

Bản án số: 229/2022/DS-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Súc

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp dân sự “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2022/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội. Địa chỉ: số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Ngọc Bửu Châu – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Tân. Địa chỉ số 177 Tôn Đức Thắng, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân (theo Quyết định số 7300/QĐ – NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án). Ủy quyền lại cho bà Nguyễn Ngọc Nga – chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Tân.

2. *Bị đơn:* Bà Châu Thị Hồng Th sinh năm 1980, địa chỉ: tổ 7, ấp Phú Đông, xã Phú Long, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Đ sinh năm 1943, anh Phan Chí Th1 sinh năm 1990 cùng địa chỉ: tổ 7, ấp Phú Đ, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(bà Ng có mặt, bà Th, bà Đ, anh Th1 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Căn cứ đơn khởi kiện ngày 30/5/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn do bà Nguyễn Ngọc Nga đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 25/10/2009 bà Châu Thị Hồng Th đại diện cho hộ gia đình vay vốn tại phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Tân cho sinh viên anh Phan Chí Th1 đi học, chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với số tiền là 27.600.000đ, thời hạn trả nợ vay là 16/10/2018 lãi suất trong hạn là 0,5%/tháng và 0,55%/tháng đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/11/2018, lãi suất nợ quá hạn là 0,715%/tháng. Đối với khoản vay này hộ gia đình bà Th còn nợ lại ngân hàng vốn là 27.600.000đ và tiền lãi 22.128.290 đồng (tạm tính đến ngày 30/5/2022). Tổng cộng vốn và lãi là 49.728.290 đồng.

Ngày 25/9/2014 bà Châu Thị Hồng Th đại diện cho hộ gia đình vay vốn tại phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Tân chương trình cho vay hộ nghèo với số tiền 5.000.000 đồng, hạn trả nợ 25/9/2019, lãi suất trong hạn là 0,6%/tháng, được gia hạn nợ đến ngày 25/2/2022 rồi chuyển sang nợ quá hạn ngày 24/3/2022, lãi suất nợ quá hạn là 0,78%/tháng. Đối với khoản vay này hộ gia đình bà Th còn nợ lại ngân hàng vốn là 5.000.000đ và tiền lãi 1.180.620 đồng (tạm tính đến ngày 30/5/2022). Tổng cộng vốn và lãi là 6.180.620 đồng.

Tổng cộng 2 nguồn vay hộ gia đình bà Th, anh Th1 và bà Đ còn nợ ngân hàng chính sách xã hội tiền vốn là 32.600.000đ và tiền lãi là 23.308.910 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 55.908.910 đồng.

Quá trình vay vốn đến thời gian trả nợ, thời gian cho gia hạn phía Ngân hàng đã nhiều lần đến nhà gặp gỡ đôn đốc, nhắc nhở gia đình bà Th, anh Th1 và bà Đ thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng, nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ, mặc dù gia đình bà Th có khả năng trả nợ nhưng vẫn cố tình không trả.

Tại phiên tòa, bà Nga đại diện cho Ngân hàng chính sách yêu cầu hộ gia đình bà Th, bà Đ và anh Th1 cùng có trách nhiệm trả số tiền vay vốn là  $32.600.000đ = 27.600.000đ + 5.000.000đ$  (hồ sơ sinh viên + hộ nghèo), tiền lãi  $24.232.000đ = 22.900.000đ + 1.332.000đ$  (hồ sơ sinh viên + hộ nghèo). Tổng cộng vốn và lãi là 56.832.000 đồng tính đến ngày 27 tháng 9 năm 2022.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Th, bà Đ, anh Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không ghi nhận ý kiến.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th, bà Đ, anh Th1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội vốn vay là 32.600.000đ và lãi phát sinh theo sổ vay vốn nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Đông, xã Phú Long huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng chính sách xã hội với bà Châu Thị Hồng Th (đại diện cho hộ gia đình) được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, được thể hiện bằng sổ vay vốn theo hai chương trình cho vay gồm cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền 27.600.000đ vào ngày 25/10/2009 và chương trình cho vay hộ nghèo số tiền 5.000.000đ vào ngày 25/9/2014. Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng đã ký kết Ngân hàng giải ngân cho bà Th.

Căn cứ các chứng cứ Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu gồm sổ vay vốn theo chương trình cho vay gồm cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền 27.600.000đ vào ngày 25/10/2009 đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 23/11/2018 và chương trình cho vay hộ nghèo số tiền 5.000.000đ vào ngày

25/9/2014 đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 24/3/2022 và giấy ủy quyền cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ của các thành viên trong hộ đối với các khoản vay nói trên. Tuy nhiên quá trình tố tụng các đương sự không có ý kiến gì đối với các chứng cứ này. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý.

Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với bà Th, bà Đ, anh Th1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, theo đó hộ bà Th đã nhận đủ số tiền vay của hai hợp đồng. Sau khi vay thì hộ bà Th không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả vốn theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng đã tạo điều kiện đôn đốc, nhắc nhở và các đương sự có cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Vì vậy, buộc bà Th, bà Đ, anh Th1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng đối với số tiền vốn còn nợ của chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với số tiền là 27.600.000đ và chương trình cho vay hộ nghèo với số tiền vốn 5.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 27/9/2022 căn cứ theo quy định hợp đồng các bên đã ký kết yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nghĩ nên chấp nhận. Tính đến ngày 27/9/2022 số tiền lãi của khoản vay 27.600.000đ là 5.000.000đ; số tiền lãi của khoản vay 5.000.000đ là 1.332.000đ. Tổng cộng tiền lãi là 6.332.000đ.

Từ những cơ sở trên nghĩ nên buộc bà Th, bà Đ, anh Th1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 27/9/2022 của hai hợp đồng tín dụng tổng cộng là 56.832.000đ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 275, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Các Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Tuyên xử:

Công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng chính sách xã hội đối với bà Châu Thị Hồng Th, bà Phạm Thị Đ, anh Phan Chí Th1.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đối với bà Châu Thị Hồng Th, bà Phạm Thị Đ, anh Phan Chí Th1 về việc trả vốn vay, lãi phát sinh còn nợ theo sổ vay vốn hai bên đã ký kết.

+ Buộc bà Châu Thị Hồng Th, bà Phạm Thị Đ, anh Phan Chí Th1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vốn vay 27.600.000đ và lãi phát sinh tính đến ngày 27/9/2022 là 22.900.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 50.500.000đ.

+ Kể từ ngày 28/9/2022, bà Châu Thị Hồng Th, bà Phạm Thị Đ, anh Phan Chí Th1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận sổ vay vốn theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

+ Buộc bà Châu Thị Hồng Th, bà Phạm Thị Đ, anh Phan Chí Th1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vốn vay 5.000.000đ và lãi phát sinh tính đến ngày 27/9/2022 là 1.332.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 6.332.000đ.

+ Kể từ ngày 28/9/2022, bà Châu Thị Hồng Th, bà Phạm Thị Đ, anh Phan Chí Th1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận sổ vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Châu Thị Hồng Th, bà Phạm Thị Đ, anh Phan Chí Th1 phải chịu án phí là 2.840.000 đồng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân, AG;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hs, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Lâm Bảo Ngọc**